

QUY ĐỊNH

**thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng
về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XII;
- Xét Tờ trình và Báo cáo của Bộ Chính trị tiếp thu, giải trình ý kiến thảo luận của Trung ương tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá XII,

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
QUY ĐỊNH THI HÀNH CHƯƠNG VII VÀ CHƯƠNG VIII ĐIỀU LỆ ĐẢNG
VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG**

**I- CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ĐẢNG VÀ ỦY BAN KIỂM
TRA CÁC CẤP**

Điều 30:

1- Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng

1.1- Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo

- Kiểm tra của Đảng là việc các tổ chức đảng xem xét, đánh giá, kết luận về ưu điểm, khuyết điểm hoặc vi phạm của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tổ chức đảng và đảng viên phải thường xuyên tự kiểm tra. Tổ chức đảng cấp trên kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

- Giám sát của Đảng là việc các tổ chức đảng quan sát, theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động nhằm kịp thời tác động để cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát chấp hành nghiêm chỉnh Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nhiệm vụ giám sát theo sự phân công. Giám sát của Đảng có giám sát thường xuyên và giám sát theo chuyên đề; giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp.

1.1.1- Chủ thể kiểm tra và giám sát

Chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra; các ban đảng, văn phòng cấp uỷ (gọi chung là các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ); ban cán sự đảng, đảng đoàn (chỉ là chủ thể kiểm tra).

1.1.2- Đối tượng kiểm tra và giám sát

Chi uỷ, chi bộ, đảng uỷ bộ phận, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên; uỷ ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên.

1.2- Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát

1.2.1- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ tiến hành công tác kiểm tra, giám sát:

a) Công tác kiểm tra:

- Phối hợp với uỷ ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách; tham gia các cuộc kiểm tra của cấp uỷ hoặc chủ trì kiểm tra khi được cấp uỷ giao.

Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên hoặc phối hợp với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ để tiến hành công tác kiểm tra.

Giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ theo dõi, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; tham gia ý kiến và giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ kết luận các nội dung kiểm tra thuộc lĩnh vực được giao.

- *Nội dung kiểm tra:* Như nội dung kiểm tra của cấp uỷ tại Tiết 2.2.1, Điểm 2.2, Khoản 2, Điều 30 có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp uỷ giao.

- Đối tượng kiểm tra:

+ Chi uỷ, chi bộ, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ, trước hết là cấp dưới trực tiếp.

+ Đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách và các đối tượng khác do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp giao.

b) Công tác giám sát:

- Phối hợp với uỷ ban kiểm tra cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm.

Xây dựng chương trình, kế hoạch và sử dụng bộ máy của cơ quan mình hoặc phối hợp với uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc khác của cấp uỷ để tiến hành công tác giám sát.

- *Nội dung giám sát:*

+ Đối với tổ chức đảng:

Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp uỷ giao.

+ Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- *Đối tượng giám sát:*

+ Chi uỷ, chi bộ, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, thường trực cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp dưới.

+ Đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách.

- *Thẩm quyền và trách nhiệm:*

+ Thành viên các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ và cán bộ, chuyên viên được phân công theo dõi lĩnh vực, địa bàn khi thực hiện giám sát được yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi phụ trách báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc giám sát và phải giữ bí mật nội dung thông tin, tài liệu đó.

+ Qua giám sát, kịp thời nhắc nhở đối tượng được giám sát phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm; nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo hoặc đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

+ Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản sai trái thì báo cáo cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp xem xét, xử lý.

c) Chủ trì giải quyết tố cáo theo quy định của Bộ Chính trị hoặc cấp uỷ cùng cấp về giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp uỷ cùng cấp quản lý có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

1.2.2- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn thực hiện lãnh đạo công tác kiểm tra:

a) Lãnh đạo công tác kiểm tra thuộc phạm vi được phân công phụ trách.

b) Căn cứ quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc của tỉnh uỷ, thành uỷ về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc và tình hình thực tế để xác định nội dung, đối tượng và phương pháp lãnh đạo công tác kiểm tra:

- *Nội dung lãnh đạo:*

+ Triển khai quán triệt và chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định, quy chế, hướng dẫn của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

+ Lãnh đạo các thành viên của ban cán sự đảng, đảng đoàn gương mẫu thực hiện công tác kiểm tra và chấp hành nghiêm chỉnh khi được kiểm tra, giám sát.

+ Lãnh đạo việc giải quyết các đề xuất, kiến nghị về công tác kiểm tra có liên quan đến trách nhiệm, thẩm quyền của ban cán sự đảng, đảng đoàn; lãnh đạo khắc phục hậu quả, sửa chữa khuyết điểm sau kiểm tra, giám sát.

+ Kiến nghị, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Đối tượng lãnh đạo:

+ Thành viên của ban cán sự đảng, đảng đoàn.

+ Những tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền kiến nghị, đề xuất của ban cán sự đảng, đảng đoàn.

- Phương pháp lãnh đạo:

+ Ban hành văn bản chỉ đạo về công tác kiểm tra thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

+ Phân công các thành viên ban cán sự đảng, đảng đoàn lãnh đạo công tác kiểm tra thuộc phạm vi phụ trách.

+ Trực tiếp làm việc hoặc thông qua văn bản chỉ đạo của ban cán sự đảng, đảng đoàn đối với đối tượng lãnh đạo.

+ Phối hợp với cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

1.2.3- Ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát:

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ thực hiện các nội dung tại Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 30; xem xét, xử lý kỷ luật và giải quyết tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng tại Điều 32, Điều lệ Đảng.

- Tham gia các cuộc kiểm tra, giám sát do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp chủ trì. Qua kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện có vi phạm đến mức phải xử lý thì đề nghị cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ xem xét, quyết định.

- Cùng các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp tham mưu, giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ kết luận các cuộc kiểm tra, đánh giá các cuộc giám sát; sơ kết, tổng kết thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận kiểm tra, thông báo kết quả giám sát, quyết định của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ sau các cuộc kiểm tra, giám sát. Phối hợp với văn phòng cấp uỷ giúp cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ lập và nộp lưu hồ sơ.

- Hướng dẫn các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp, ban cán sự đảng, đảng đoàn và cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới về công tác kiểm tra, giám

sát, kỷ luật đảng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát uỷ ban kiểm tra cấp dưới về nghiệp vụ, kiện toàn uỷ ban kiểm tra, tổ chức bộ máy cơ quan uỷ ban kiểm tra, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

1.3- Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng

- Chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng về kiểm tra, giám sát, các quyết định, kết luận, yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát; báo cáo, giải trình đầy đủ, trung thực về các nội dung được yêu cầu; không để lộ bí mật nội dung kiểm tra, giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

- Được sử dụng bằng chứng về các nội dung kiểm tra, giám sát; được bảo lưu ý kiến và đề nghị với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá, kết luận, quyết định đối với mình hoặc xem xét lại việc thực hiện nguyên tắc, quy trình, thủ tục, nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền của cấp kiểm tra, giám sát.

2- Các cấp uỷ đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng

2.1- Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ các cấp:

- Triển khai, quán triệt Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình về công tác kiểm tra, giám sát.

- Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới xây dựng phương hướng, nhiệm vụ; phân công cấp uỷ viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp thực hiện công tác kiểm tra, giám sát. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cấp uỷ cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát.

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và để Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, nhân dân tham gia kiểm tra, giám sát.

- Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ, giữa các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ với ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc với các cơ quan liên quan.

- Nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; giải quyết kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của uỷ ban kiểm tra, cơ quan uỷ ban kiểm tra, về xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng.

2.2- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

2.2.1- Kiểm tra chấp hành:

a) Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra. Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và tình hình thực tế để xác định nội dung, đối tượng kiểm tra cho phù hợp.

- *Nội dung kiểm tra:*

* Đối với tổ chức đảng:

+ Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ.

+ Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; việc quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

+ Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

+ Việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan bảo vệ pháp luật trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

+ Việc tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, luân chuyển, đề bạt, bố trí, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

+ Việc lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

* Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- *Đối tượng kiểm tra:*

+ Tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý, trước hết là tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

+ Đảng viên thuộc phạm vi quản lý, trước hết là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ các cấp quản lý và cán bộ giữ cương vị chủ chốt hoặc được giao các nhiệm vụ quan trọng.

b) Đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ. Nội dung, đối tượng kiểm tra như của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cấp trên cơ sở và những nội dung do cấp uỷ cấp trên giao.

c) Đảng uỷ bộ phận xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ và những nội dung do đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở giao.

d) Chi bộ xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Tập trung kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, nhiệm vụ do chi bộ phân công và quy định về những điều đảng viên không được làm.

2.2.2- Thực hiện giải quyết tố cáo, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng và tiến hành các nhiệm vụ kiểm tra khi thật sự cần thiết.

2.3- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ giám sát

2.3.1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ từ cấp trên cơ sở trở lên xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát. Xác định rõ nội dung, đối tượng, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công cấp uỷ viên, uỷ ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ thực hiện.

a) Nội dung giám sát:

- *Đối với tổ chức đảng:* Như nội dung kiểm tra chấp hành của cấp uỷ tại Tiết 2.2.1, Điểm 2.2 nêu trên.

- *Đối với đảng viên:* Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

b) Đối tượng giám sát: Tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi quản lý.

c) Thẩm quyền và trách nhiệm:

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ phân công cấp uỷ viên dự các hội nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

Cấp uỷ viên khi thực hiện giám sát được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, văn bản hoặc báo cáo theo yêu cầu giám sát.

Cấp uỷ viên có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản cho ban thường vụ hoặc cho cấp uỷ; chịu trách nhiệm về việc giám sát; giữ bí mật về thông tin, tài liệu cung cấp cho việc giám sát.

- Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cử cấp uỷ viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

- Qua giám sát, cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, về tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi những vấn đề cần thiết.

Nếu phát hiện đối tượng giám sát không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc ban hành các văn bản sai trái thì yêu cầu khắc phục, sửa chữa hoặc xử lý theo thẩm quyền; nếu cần thiết thì yêu cầu huỷ bỏ các văn bản sai trái đó.

Nếu phát hiện tổ chức đảng hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì giao uỷ ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

2.3.2- Đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở tổ chức thực hiện công tác giám sát tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý như công tác giám sát của đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cấp trên cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

2.3.3- Đảng uỷ bộ phận thực hiện giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và do đảng uỷ, ban thường vụ đảng uỷ cơ sở giao. Nội dung, đối tượng giám sát như của đảng uỷ cơ sở.

2.3.4- Chi bộ giám sát đảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Điều 31:

1- Uỷ ban kiểm tra các cấp do cấp uỷ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ

1.1- Nguyên tắc tổ chức

- Uỷ ban kiểm tra các cấp được lập từ đảng uỷ cơ sở trở lên, do cấp uỷ cùng cấp bầu; bầu uỷ viên uỷ ban kiểm tra trước, sau đó bầu chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra. Phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra do uỷ ban kiểm tra bầu trong số uỷ viên uỷ ban kiểm tra. Việc bầu cử được thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Nhiệm kỳ của uỷ ban kiểm tra các cấp theo nhiệm kỳ của cấp uỷ cùng cấp. Uỷ ban kiểm tra khoá mới điều hành công việc ngay sau khi được bầu và nhận bàn giao từ uỷ ban kiểm tra khoá trước. Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra được ký ban hành văn bản ngay sau khi được bầu.

1.2- Cơ cấu tổ chức và số lượng uỷ viên uỷ ban kiểm tra

1.2.1- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương

Số lượng từ 19 đến 21 uỷ viên chuyên trách; trong đó không quá một phần ba là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương. Thường trực Uỷ ban Kiểm tra Trung ương gồm Chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm; số lượng phó chủ nhiệm do Bộ Chính trị quyết định.

1.2.2- Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương

- Số lượng từ 9 đến 11 uỷ viên, trong đó có 2 uỷ viên kiêm chức; riêng Thành uỷ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh số lượng từ 13 đến 15 uỷ viên; Thanh Hoá, Nghệ An số lượng từ 11 đến 13 uỷ viên (do tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định).

- Các uỷ viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm, từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm và một số uỷ viên. Trong đó, 1 uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ làm chủ nhiệm và một cấp uỷ viên làm phó chủ nhiệm thường trực (riêng Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh không quá 5 phó chủ nhiệm, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ Thanh Hoá, Nghệ An từ 3 đến 4 phó chủ nhiệm).

- Uỷ viên kiêm chức gồm: Trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức của cấp uỷ là cấp uỷ viên và chánh thanh tra tỉnh, thành phố.

1.2.3- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương

- Số lượng từ 11 đến 13 ủy viên (do Đảng ủy Khối quyết định).
- Các ủy viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm, từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm và từ 4 đến 6 ủy viên; trong đó, có 2 cấp ủy viên, 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm Chủ nhiệm và 1 cấp ủy viên làm Phó Chủ nhiệm thường trực.
- Ủy viên kiêm chức là cấp ủy viên phụ trách công tác tổ chức, cấp ủy viên phụ trách công tác khác, bí thư hoặc phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Khối.

1.2.4- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

- Số lượng từ 11 đến 13 ủy viên (do Đảng ủy Khối quyết định).
- Các ủy viên chuyên trách gồm: Chủ nhiệm, từ 2 đến 3 phó chủ nhiệm và từ 4 đến 6 ủy viên; trong đó có 2 cấp ủy viên, 1 ủy viên ban thường vụ cấp ủy làm Chủ nhiệm và 1 cấp ủy viên làm Phó Chủ nhiệm thường trực.
- Ủy viên kiêm chức là cấp ủy viên phụ trách công tác tổ chức, bí thư, hoặc phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Khối.

1.2.5- Ủy ban Kiểm tra Quân ủy Trung ương

- Số lượng từ 11 đến 13 ủy viên (do Quân ủy Trung ương quyết định), trong đó có 8 ủy viên chuyên trách và từ 3 đến 5 ủy viên kiêm chức; có 2 đến 3 ủy viên là cấp ủy viên cùng cấp.
- Các ủy viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm, trong đó có 1 Phó Chủ nhiệm thường trực.
- Ủy viên kiêm chức gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Cục trưởng Cục Tổ chức; Cục trưởng Cục Cán bộ; Chánh Thanh tra Bộ Quốc phòng.

1.2.6- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương

- Số lượng từ 11 đến 13 ủy viên (do Đảng ủy Công an Trung ương quyết định), trong đó có từ 9 đến 11 ủy viên chuyên trách và 3 ủy viên kiêm chức; có 2 đến 3 ủy viên là cấp ủy viên cùng cấp.
- Các ủy viên chuyên trách gồm: 4 phó chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm thường trực là Đảng ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương.
- Các ủy viên kiêm chức gồm: Chủ nhiệm Ủy ban là đồng chí Phó Bí thư hoặc Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an; Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ, Chánh Thanh tra Bộ Công an.

1.2.7- Ủy ban Kiểm tra của Đảng ủy Ngoài nước

- Số lượng từ 7 đến 9 ủy viên (do đảng ủy cùng cấp quyết định), trong đó có 3 ủy viên chuyên trách và từ 4 đến 6 ủy viên kiêm chức; từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm; có 2 cấp ủy viên cùng cấp.

Ủy viên chuyên trách: Chủ nhiệm là ủy viên ban thường vụ đảng ủy; Phó Chủ nhiệm thường trực là cấp ủy viên cùng cấp và 1 ủy viên.

Ủy viên kiêm chức: Phó chủ nhiệm là Trưởng ban hoặc Phó Trưởng Ban Tổ chức, các ủy viên là Trưởng ban hoặc Phó Trưởng Ban Tuyên giáo, Trưởng ban hoặc Phó Trưởng Ban công tác quần chúng, Chánh Văn phòng hoặc Phó Chánh văn phòng và cán bộ thuộc các ban của Đảng ủy Ngoài nước.

1.2.8- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy

Số lượng từ 7 đến 9 ủy viên (do cấp ủy quyết định); trong đó đồng chí chủ nhiệm là ủy viên ban thường vụ cấp ủy, từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là cấp ủy viên) và một số ủy viên chuyên trách; 2 ủy viên kiêm chức gồm trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức là cấp ủy viên và chánh thanh tra cùng cấp (nơi không có chánh thanh tra cùng cấp là đồng chí phó bí thư của cấp ủy trực thuộc).

1.2.9- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở

- Số lượng từ 5 đến 7 ủy viên (do cấp ủy cấp trên cơ sở quyết định), trong đó chủ nhiệm là ủy viên ban thường vụ cấp ủy, có từ 1 đến 2 phó chủ nhiệm (phó chủ nhiệm thường trực là chuyên trách) và một số ủy viên chuyên trách.

- Ủy viên kiêm chức gồm đồng chí trưởng ban hoặc phó trưởng ban tổ chức là cấp ủy viên và chánh thanh tra cùng cấp (nơi không có chánh thanh tra cùng cấp là đồng chí phó bí thư hoặc chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy trực thuộc).

1.2.10- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở

- Số lượng từ 3 đến 5 ủy viên (do đảng ủy cơ sở quyết định), trong đó đồng chí phó bí thư hoặc ủy viên ban thường vụ, thường trực cấp ủy làm chủ nhiệm. Trường hợp không có ban thường vụ cấp ủy thì đồng chí phó bí thư làm chủ nhiệm; phó chủ nhiệm là cấp ủy viên hoặc đảng viên.

- Các ủy viên khác có thể là cấp ủy viên hoặc đảng viên phụ trách công tác đoàn thể, bí thư chi bộ, thanh tra nhân dân.

Ủy ban kiểm tra của đảng ủy cơ sở xã, phường, thị trấn; những tổ chức cơ sở đảng trong cơ quan và doanh nghiệp có từ 300 đảng viên trở lên thì bố trí 1 ủy viên chuyên trách làm phó chủ nhiệm.

1.2.11- Đảng ủy bộ phận và chi bộ không lập ủy ban kiểm tra; tập thể cấp ủy, chi bộ thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và phân công 1 cấp ủy viên phụ trách. Ngoài ra, có thể lựa chọn phân công một số đảng viên giúp đồng chí cấp ủy viên phụ trách làm công tác kiểm tra, giám sát.

1.2.12- Tổ chức bộ máy, số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cơ sở thuộc Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Công an Trung ương, Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Khối Doanh nghiệp Trung ương, Đảng bộ Ngoài nước do Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn sau khi thống nhất với các đảng ủy trên và Ban Tổ chức Trung ương.

1.3- Trường hợp có những yêu cầu khác với quy định nêu tại các Điểm 1.1 và 1.2, khoản 1, Điều 31, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ phải báo cáo với cấp uỷ cấp trên trực tiếp, khi được sự đồng ý mới tổ chức thực hiện.

2- Các thành viên uỷ ban kiểm tra và chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra sang công tác khác phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý

Ngoài việc thay đổi chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra như quy định của Điều lệ Đảng, khi thay đổi phó chủ nhiệm hoặc uỷ viên uỷ ban kiểm tra thì cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp dưới phải trao đổi với uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp trước khi thực hiện.

Khi điều động thành viên uỷ ban kiểm tra (kể cả uỷ viên kiêm chức) sang công tác ở các đơn vị khác trong đảng bộ nhưng không cơ cấu chức danh tham gia uỷ ban kiểm tra thì đương nhiên thôi tham gia uỷ ban kiểm tra đương nhiệm.

3- Uỷ ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp và sự chỉ đạo, kiểm tra của uỷ ban kiểm tra cấp trên

3.1- Uỷ ban kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Uỷ ban có thể uỷ quyền cho tập thể thường trực uỷ ban (nơi có từ 2 phó chủ nhiệm trở lên) quyết định một số vấn đề cụ thể (theo quy chế làm việc của uỷ ban và quy định chế độ làm việc của cơ quan uỷ ban kiểm tra). Thường trực uỷ ban gồm chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm. Đối với Đảng bộ Quân đội, thường trực uỷ ban gồm chủ nhiệm, các phó chủ nhiệm và các uỷ viên chuyên trách.

3.2- Uỷ ban kiểm tra làm việc dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Đảng và quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra; định kỳ báo cáo với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ chương trình, kế hoạch, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, về quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra và các nhiệm vụ do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ giao; chịu sự kiểm tra, giám sát của cấp uỷ.

3.3- Uỷ ban kiểm tra làm việc dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của uỷ ban kiểm tra cấp trên:

- Về phương hướng, nhiệm vụ, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

- Về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Đảng, của Trung ương và hướng dẫn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

- Khi cần thiết, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp chỉ đạo giải quyết một số vấn đề cụ thể trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

- Phối hợp với ban tổ chức của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới chuẩn bị nhân sự uỷ ban kiểm tra cấp dưới theo hướng dẫn của uỷ ban kiểm tra cấp trên; giúp cấp uỷ ban hành quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra; kiện toàn cơ quan uỷ ban kiểm tra về tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra.

- Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn về tổ chức, bộ máy và cán bộ của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

3.4- Trường hợp uỷ ban kiểm tra và ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ có ý kiến khác nhau trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của uỷ ban kiểm tra thì uỷ ban kiểm tra phải chấp hành kết luận, quyết định của ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ, đồng thời báo cáo uỷ ban kiểm tra cấp trên. Trường hợp uỷ ban kiểm tra cấp trên có ý kiến khác với ban thường vụ, cấp uỷ cấp dưới thì uỷ ban kiểm tra cấp trên báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Trường hợp Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có ý kiến khác với tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Ban Bí thư, Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

3.5- Uỷ ban Kiểm tra Quân uỷ Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn uỷ ban kiểm tra đảng uỷ các quân khu, Bộ đội Biên phòng phối hợp với uỷ ban kiểm tra các tỉnh uỷ, thành uỷ tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với Đảng bộ Quân sự, bộ đội biên phòng địa phương, do uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ chủ trì.

Uỷ ban Kiểm tra Đảng uỷ Công an Trung ương phối hợp với uỷ ban kiểm tra các tỉnh uỷ, thành uỷ tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng trong Công an nhân dân các địa phương, do uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ chủ trì. Trường hợp có yếu tố nước ngoài hoặc những vấn đề nội bộ của ngành thì báo cáo cấp có thẩm quyền chủ trì giải quyết.

Điều 32: Uỷ ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1- Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp uỷ viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên

1.1- Khi có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên là khi có những thông tin, tài liệu thu thập được đối chiếu với các quy định của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, với chính sách, pháp luật của Nhà nước có căn cứ cho thấy tổ chức đảng hoặc đảng viên đó không tuân theo, không làm hoặc làm trái.

1.2- Phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm của đảng viên thông qua

- Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế và giám sát của nhân dân.

- Tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; việc bình xét phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng.

- Tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của đảng viên và quần chúng.
- Phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng đã được kiểm chứng.

1.3- Thẩm quyền quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm

Thường trực uỷ ban kiểm tra hoặc uỷ ban kiểm tra (nơi không có thường trực uỷ ban kiểm tra) có thẩm quyền quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với đảng viên hoặc tổ chức đảng cấp dưới.

1.4- Nội dung kiểm tra

Kiểm tra dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên; tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

1.5- Đối tượng kiểm tra

Đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, trước hết là cấp uỷ viên cùng cấp, đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý; khi cần thiết thì kiểm tra đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới quản lý.

2- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng

2.1- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm

2.1.1- Tổ chức đảng cấp dưới là đối tượng kiểm tra của uỷ ban kiểm tra gồm tổ chức đảng do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp lập ra và cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp uỷ cùng cấp.

2.1.2- Phát hiện, xác định dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng cấp dưới thông qua:

- Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cấp uỷ, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế.

- Báo cáo, kiến nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.
- Tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của đảng viên và quần chúng.
- Tự phê bình và phê bình của tổ chức đảng và đảng viên; chất vấn của đảng viên; việc bình xét, phân tích chất lượng đảng viên, tổ chức đảng.

2.1.3- Nội dung kiểm tra:

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng, giữ gìn đoàn kết nội bộ.

- Việc thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

- Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Việc tuyển dụng, quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, đề bạt, bồi dưỡng, đánh giá, bố trí, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

2.1.4- Đối tượng kiểm tra:

Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp dưới trực tiếp. Khi kiểm tra tổ chức đảng có thể kết hợp kiểm tra đảng viên của tổ chức đảng đó.

2.2- Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát

2.2.1- Nội dung kiểm tra:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng cấp dưới theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của uỷ ban kiểm tra, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

2.2.2- Đối tượng kiểm tra:

Các tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp dưới trực tiếp.

2.3- Kiểm tra việc thi hành kỷ luật trong Đảng

2.3.1- Nội dung kiểm tra:

Việc thực hiện phương hướng, phương châm, nguyên tắc, quy trình, thủ tục, thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng, đảng viên và việc giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng. Xem xét các vụ vi phạm đến mức phải xử lý nhưng không xử lý hoặc xử lý không đúng mức. Việc chấp hành các quyết định, chỉ thị, kết luận, thông báo của tổ chức đảng cấp trên có liên quan đến việc thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

2.3.2- Đối tượng kiểm tra:

Các tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

3- Giám sát cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp uỷ và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương

3.1- Nội dung giám sát

3.1.1- Đối với tổ chức đảng:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc ban hành các văn bản có dấu hiệu trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3.1.2- Đối với cấp uỷ viên và cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý:

- Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp uỷ cấp trên và cấp mình, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc, chế độ công tác.

- Việc giữ gìn đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

- Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

- Việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3.2- Đối tượng giám sát

Cấp uỷ viên cùng cấp, cán bộ diện cấp uỷ cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới.

3.3- Thẩm quyền và trách nhiệm

- Uỷ ban kiểm tra phân công thành viên uỷ ban, cử cán bộ kiểm tra dự các hội nghị của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới.

Thành viên uỷ ban kiểm tra, đoàn giám sát và cán bộ kiểm tra được yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên giải trình, cung cấp tài liệu, báo cáo về các vấn đề giám sát; có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu và chịu trách nhiệm về việc giám sát trước uỷ ban kiểm tra.

- Qua giám sát, phải kịp thời báo cáo để uỷ ban kiểm tra kiến nghị cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên được giám sát phát huy ưu điểm, nhắc nhở, uốn nắn, khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

Nếu phát hiện cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới ban hành các nghị quyết, quyết định, kết luận hoặc đảng viên ban hành các quyết định sai trái thì uỷ ban kiểm tra yêu cầu xem xét lại, nếu không khắc phục thì báo cáo cấp uỷ cùng cấp xem xét trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên có liên quan.

Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo uỷ ban kiểm tra hoặc thường trực uỷ ban kiểm tra quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

4- Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ thi hành kỷ luật

Căn cứ kết quả kiểm tra, đề nghị của tổ chức đảng và kết luận của cơ quan pháp luật, nếu thấy đảng viên vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì uỷ ban kiểm tra quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị ban thường vụ cấp uỷ, cấp uỷ, xem xét, quyết định kỷ luật.

5- Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

5.1- Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

Tố cáo trong Đảng là việc công dân Việt Nam, đảng viên báo cho tổ chức đảng hoặc cán bộ, đảng viên có trách nhiệm biết về hành vi của tổ chức đảng hoặc đảng viên mà người tố cáo cho là có dấu hiệu vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức hoặc cá nhân.

Trường hợp cơ quan, tổ chức cung cấp các thông tin, báo cáo cho tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm về dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng hoặc đảng viên thì không phải là tố cáo.

5.1.1- Thẩm quyền, nguyên tắc giải quyết tố cáo:

- Ủy ban kiểm tra có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi quản lý của cấp ủy cùng cấp.

Khi nhận được tố cáo phải phân loại, chuyển các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải quyết; giải quyết các trường hợp thuộc phạm vi trách nhiệm hoặc phối hợp với các tổ chức đảng có thẩm quyền để giải quyết.

Chậm nhất 90 ngày làm việc theo quy định của Luật Lao động (gọi tắt là ngày làm việc) đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày làm việc đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được tố cáo (gửi, phản ánh trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết.

Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì được gia hạn nhưng không quá 30 ngày làm việc, đồng thời phải thông báo cho người tố cáo biết. Sau khi giải quyết xong, phải thông báo cho người tố cáo biết kết quả giải quyết tố cáo bằng hình thức thích hợp.

Tổ chức đảng và đảng viên nhận được tố cáo phải bảo đảm bí mật cho người tố cáo, hướng dẫn người tố cáo thực hiện đúng quy định của Đảng, Nhà nước và có biện pháp bảo vệ người tố cáo. Không để người bị tố cáo chủ trì giải quyết tố cáo đối với mình. Không để người tố cáo hoặc người có liên quan đến tố cáo giải quyết tố cáo. Ủy ban kiểm tra giải quyết tố cáo phải xử lý hoặc đề nghị cấp ủy xử lý nghiêm những trường hợp sau: Truy tìm, trù dập, trả thù người tố cáo; cản trở, dìm bỏ, không xem xét, giải quyết tố cáo; bao che những việc làm sai trái của đối tượng bị tố cáo; để lộ tên người tố cáo cho đối tượng bị tố cáo biết, để lộ tên người tố cáo, nội dung tố cáo cho người không có trách nhiệm biết; lợi dụng tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo mang tính bịa đặt, đả kích, gây dư luận xấu đối với người khác.

Trường hợp tố cáo có liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, ủy ban kiểm tra báo cáo cấp ủy cùng cấp chỉ đạo phối hợp giải quyết.

Trường hợp người tố cáo xin rút nội dung tố cáo thì tổ chức đảng giải quyết tố cáo không xem xét, giải quyết nội dung tố cáo đó, trừ trường hợp bị đe dọa, ép buộc, mua chuộc.

- Người tố cáo phải trình bày trung thực sự việc, ghi rõ họ, tên, địa chỉ, ký tên chịu trách nhiệm về nội dung tố cáo và bằng chứng của mình. Nếu phản ánh trực tiếp thì phải được ghi lại thành văn bản, người tố cáo phải ký tên chịu trách nhiệm vào văn bản. Không được viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên hoặc ký tên từ hai người trở lên trong một đơn tố cáo, không được gửi, tán phát hoặc phổ biến nội dung tố cáo, tên người bị tố cáo, nội dung làm việc với tổ chức, cá nhân giải quyết tố cáo, nội dung kết luận giải quyết tố cáo cho những tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm.

- Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo phải trình bày rõ, trung thực, đầy đủ, kịp thời những vấn đề bị tố cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền, cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho chủ thể giải quyết tố cáo; tự giác nhận rõ sai lầm, khuyết điểm và có quyền sử dụng bằng chứng để chứng minh nội dung tố cáo không đúng; không được đối phó, gây khó khăn, trở ngại cho chủ thể giải quyết tố cáo, truy tìm, trấn áp, trù dập, trả thù người phê bình, tố cáo.

- Tổ chức đảng quản lý đối tượng bị tố cáo phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo, phản ánh về tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phối hợp và thực hiện yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Trong thời gian đang giải quyết, chưa kết luận thì tổ chức đảng quản lý đảng viên phải bảo đảm các quyền của đảng viên, của tổ chức đảng bị tố cáo; giáo dục và tạo điều kiện để đảng viên, tổ chức đảng thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của ủy ban kiểm tra.

- Những người lợi dụng việc tố cáo để xuyên tạc sự thật, vu khống, tố cáo bịa đặt, đả kích, chia rẽ bè phái, gây rối nội bộ, tố cáo nhiều lần có dụng ý xấu phải được xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của Đảng và Nhà nước.

- Không giải quyết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên, không rõ địa chỉ và đơn tố cáo có tên đã được cấp có thẩm quyền (do Điều lệ Đảng và Luật Tố cáo quy định) xem xét, kết luận, nay tố cáo lại nhưng không có thêm tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ việc; đơn tố cáo có tên nhưng nội dung không cụ thể, không có căn cứ để thẩm tra, xác minh; đơn tố cáo có tên, nhưng trong nội dung của đơn không chứa đựng, phản ánh nội dung tố cáo đối với đảng viên, tổ chức đảng; đơn tố cáo không phải bản do người tố cáo trực tiếp ký tên; đơn tố cáo có từ hai người trở lên cùng ký tên; đơn tố cáo của người không có năng lực hành vi dân sự.

5.1.2- Nội dung tố cáo phải giải quyết:

- Đối với tổ chức đảng: Những nội dung liên quan đến việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; đoàn kết nội bộ.

- Đối với đảng viên: Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp uỷ viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng; về nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và phẩm chất, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

- Những nội dung tố cáo mà uỷ ban kiểm tra chưa đủ điều kiện xem xét thì kiến nghị cấp uỷ hoặc phối hợp hay yêu cầu tổ chức đảng ở cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

5.1.3- Đối tượng:

Tổ chức đảng, đảng viên bị tố cáo. Thẩm quyền giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và cấp uỷ các cấp.

5.2- Giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng

5.2.1- Thẩm quyền, nguyên tắc trong khiếu nại và giải quyết khiếu nại:

- Uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền, nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

Khi nhận được khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cho người khiếu nại biết; hướng dẫn người khiếu nại thực hiện đúng quy định của Đảng. Chậm nhất là 90 ngày làm việc đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương trở xuống; 180 ngày làm việc đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại (gửi trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện chuyển đến) phải xem xét, giải quyết, trả lời cho người khiếu nại. Nghiêm cấm các hành vi cản trở, đùn bỏ, không xem xét, giải quyết khiếu nại. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong phải thông báo cho người khiếu nại biết.

- Đảng viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật được khiếu nại lên các tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết cấp trên. Thời hạn khiếu nại trong vòng 30 ngày làm việc, tính từ ngày đảng viên vi phạm được tổ chức đảng có thẩm quyền công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (căn cứ biên bản công bố) đến ngày đảng viên bị kỷ luật gửi đơn khiếu nại trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện.

Không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong. Không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, đến các tổ chức và cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, đảng viên phải chấp hành nghiêm quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật.

Khi tổ chức đảng cấp trên tiến hành giải quyết khiếu nại, uỷ ban kiểm tra phải nghiêm túc xem xét lại quyết định của mình và chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại của tổ chức đảng cấp trên.

- Tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên khiếu nại phối hợp với uỷ ban kiểm tra để giải quyết khiếu nại; giáo dục và tạo điều kiện để người khiếu nại thực

hiện đầy đủ các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra; chấp hành nghiêm yêu cầu, kết luận hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của uỷ ban kiểm tra cấp trên.

5.2.2- Phạm vi giải quyết khiếu nại:

- Giải quyết khiếu nại về nội dung vi phạm, hình thức kỷ luật trong quyết định kỷ luật và về nguyên tắc, thủ tục, quy trình, thẩm quyền thi hành kỷ luật mà đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại.

Trong quá trình giải quyết, nếu phát hiện đảng viên khiếu nại có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn tố cáo thì cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, quyết định.

- Uỷ ban kiểm tra cấp trên giải quyết khiếu nại kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp đã quyết định kỷ luật hoặc đã quyết định giải quyết khiếu nại.

- Đảng viên bị kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết hoặc đang giải quyết đã qua đời thì tổ chức đảng vẫn phải xem xét, giải quyết; nếu thân nhân (cha, mẹ, vợ, hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột) đề nghị cho biết kết quả thì thông báo kết quả giải quyết khiếu nại bằng văn bản cho tổ chức đảng nơi cư trú và thân nhân người đó biết.

- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau: quá thời hạn khiếu nại theo quy định; đang được cấp trên có thẩm quyền giải quyết; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận, quyết định; bị toà án quyết định hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được toà án có thẩm quyền quyết định huỷ bỏ bản án; khiếu nại hộ, khiếu nại khi chưa nhận được quyết định kỷ luật bằng văn bản của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Đơn khiếu nại về xử lý hành chính, lịch sử chính trị, tuổi đảng, xoá tên trong danh sách đảng viên thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết và báo cho người khiếu nại biết.

5.2.3- Quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật:

- Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên do tổ chức đảng cấp dưới đã quyết định.

Trường hợp phải thay đổi bằng hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền phải báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Uỷ ban kiểm tra của đảng uỷ cơ sở có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định.

6- Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp

6.1- Nội dung kiểm tra

- Đối với cấp uỷ cấp dưới:

+ Việc ban hành các chủ trương, quy định, quyết định về tài chính, tài sản của cấp uỷ.

+ Việc chấp hành và chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới (cơ quan tài chính của cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp và cấp uỷ cấp dưới) chấp hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, chính sách, chế độ, nguyên tắc về tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước.

+ Việc chấp hành các quy định về chế độ kế toán, chứng từ; về thanh quyết toán, chi tiêu tài chính, quản lý tài sản của Đảng; việc kiểm tra tài chính đối với tổ chức đảng trực thuộc.

- Đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp:

+ Việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, chế độ, chính sách về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước.

+ Việc chấp hành sự chỉ đạo, các chủ trương, quy định, quyết định của cấp uỷ cấp mình và cơ quan tài chính cấp uỷ cấp trên.

+ Việc tham mưu cho cấp uỷ quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ thu chi, quản lý tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước.

+ Việc hướng dẫn và kiểm tra về nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan tài chính cấp uỷ cấp dưới.

- Đối với những khoản do ngân sách nhà nước trực tiếp cấp, uỷ ban kiểm tra và cơ quan tài chính cấp uỷ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước tổ chức kiểm tra.

- Nội dung kiểm tra thu, nộp đảng phí chủ yếu do đảng uỷ cơ sở tiến hành.

6.2- Đối tượng kiểm tra

Cấp uỷ cấp dưới và cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp. Khi cần thiết thì kiểm tra tài chính các cơ quan, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc cấp uỷ cùng cấp.

Điều 33:

Uỷ ban kiểm tra có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổ chức đảng và đảng viên phải thực hiện nghiêm chỉnh các yêu cầu của uỷ ban kiểm tra. Uỷ ban kiểm tra cấp trên có quyền kiểm tra lại kết luận, thông báo, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra cấp dưới về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng.

Khi cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, tổ chức đảng cấp dưới gửi các văn bản báo cáo cho cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp trên thì đồng gửi uỷ ban kiểm tra cấp trên.

II- VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 35:

1- Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm kỷ luật phải xử lý công minh, chính xác, kịp thời

1.1- Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

- Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết, không được xử lý nội bộ. Nếu làm thất thoát tài chính, tài sản của Đảng, Nhà nước, của tổ chức, cá nhân thì phải xem xét trách nhiệm và bồi hoàn.

- Đảng viên sau khi chuyển sinh hoạt đảng sang tổ chức đảng mới, nếu phát hiện hoặc bị tố cáo có vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt đảng trước đây mà chưa được xem xét, xử lý thì do tổ chức đảng cấp trên của các đảng bộ nơi quản lý đảng viên trước đây và hiện nay xem xét, xử lý. Việc kiểm tra, xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm được tiến hành ở các tổ chức đảng hiện đang quản lý đảng viên đó.

- Thời hiệu xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

1.2- Việc thi hành kỷ luật phải căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân vi phạm và các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ để xem xét, quyết định cho phù hợp và phải chịu trách nhiệm trước quyết định đó.

- Trong xử lý, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh để bảo đảm kết luận khách quan, đầy đủ, chính xác. Cần làm rõ nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm do trình độ, năng lực; động cơ vì lợi ích chung hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã qua giáo dục, ngăn chặn vẫn làm trái; không tự giác nhận lỗi, không bồi hoàn hoặc có hành vi đối phó; phân biệt đảng viên khởi xướng, tổ chức, quyết định với đảng viên bị lôi kéo, đồng tình làm sai.

- Đảng viên là người dân tộc thiểu số công tác, sinh hoạt ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Nhà nước), đảng viên theo tôn giáo vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì căn cứ tình hình thực tế vận dụng xử lý cho phù hợp.

1.3- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể hoặc việc xử lý bằng pháp luật và ngược lại. Tổ chức đảng sau khi xem xét, xử lý hoặc chỉ đạo việc xem xét, xử lý về kỷ luật đảng, phải chỉ đạo hoặc đề nghị ngay với các tổ chức có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể hoặc xử lý hình sự cho đồng bộ, kịp thời.

Khi các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên, phải chủ động thông báo ngay cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó để xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật về Đảng, nếu có thay đổi

hình thức kỷ luật, tổ chức đảng có thẩm quyền chỉ đạo việc xem xét lại hình thức kỷ luật về hành chính, về đoàn thể.

- Đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý đã nghỉ hưu, nếu phát hiện có vi phạm khi đang công tác thì thẩm quyền thi hành kỷ luật của các tổ chức đảng được thực hiện như đang đương chức; nếu có vi phạm khi đã nghỉ hưu thì do tổ chức đảng quản lý đảng viên đó xử lý kỷ luật theo thẩm quyền.

- Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức hoặc bị bệnh đang điều trị nội trú tại bệnh viện, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Trường hợp đảng viên vi phạm đã qua đời, tổ chức đảng xem xét, kết luận, không xử lý kỷ luật, trừ trường hợp có vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

1.4- Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải thay đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

Đảng viên bị kỷ luật oan phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.

2- Hình thức kỷ luật

2.1- Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

2.2- Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

Đảng viên chính thức vi phạm nghiêm trọng đến mức phải khai trừ thì phải kỷ luật khai trừ, không áp dụng biện pháp xoá tên, không chấp nhận việc xin ra khỏi Đảng. Cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không để thôi giữ chức.

2.3- Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải kỷ luật thì kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo và khi hết thời hạn dự bị, chi bộ vẫn tiến hành xét công nhận đảng viên chính thức. Nếu vi phạm đến mức không còn đủ tư cách đảng viên thì xoá tên trong danh sách đảng viên.

Điều 36: Thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm:

1- Chi bộ quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý) vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên (trừ nhiệm vụ do cấp trên giao)

Nhiệm vụ do cấp trên giao là công việc do tổ chức đảng cấp trên hoặc lãnh đạo cấp trên có thẩm quyền giao cho đảng viên. Nếu phải xử lý kỷ luật cao hơn, chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với cấp uỷ viên các cấp sinh hoạt tại chi bộ từ cấp uỷ viên đảng uỷ cơ sở trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, nếu vi phạm nhiệm vụ do cấp trên giao phải áp dụng hình thức kỷ luật thì chi bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo của chi bộ đối với cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý phải báo cáo lên các cấp uỷ mà đảng viên đó là thành viên và cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý cán bộ đó.

Việc cách chức, khai trừ cấp uỷ viên của chi bộ cơ sở do chi bộ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ huyện, quận hoặc tương đương quyết định.

- Đảng uỷ cơ sở quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên trong đảng bộ, cách chức cấp uỷ viên cấp dưới.

Quyết định cách chức bí thư, phó bí thư, cấp uỷ viên của chi bộ hoặc đảng uỷ bộ phận trực thuộc nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

Đối với cấp uỷ viên cấp trên trực tiếp trở lên và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý sinh hoạt tại đảng bộ, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật thì đảng uỷ cơ sở đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định kết nạp đảng viên thì có quyền khai trừ đảng viên, nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý.

- Đảng uỷ bộ phận và ban thường vụ đảng uỷ cơ sở không được quyền thi hành kỷ luật đảng viên, nhưng có trách nhiệm thẩm tra việc đề nghị thi hành kỷ luật của chi bộ. Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở có trách nhiệm thẩm tra đề nghị của uỷ ban kiểm tra đảng uỷ cơ sở để đề nghị đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

- Trường hợp tất cả cấp uỷ viên của chi bộ và của đảng bộ cơ sở đều bị thi hành kỷ luật thì báo cáo để tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên quyết định.

2- Cấp uỷ tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp uỷ giao

Đối với các hình thức khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên và cấp uỷ viên cùng cấp vi phạm nhiệm vụ do cấp uỷ giao (là công việc do tập thể cấp uỷ có thẩm quyền giao cho đảng viên, cấp uỷ viên), sau khi cấp uỷ biểu quyết đủ đa số phiếu theo quy

định thì ra quyết định. Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, quyết định.

Trường hợp cấp uỷ viên cùng cấp đồng thời là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên trực tiếp quản lý vi phạm nhiệm vụ do cấp trên giao, sau khi cấp uỷ biểu quyết đề nghị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo thì báo cáo để ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định; ở cấp tỉnh, thành và đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Uỷ ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định; những trường hợp không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật thì Uỷ ban Kiểm tra Trung ương báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với các hình thức cách chức, khai trừ cấp uỷ viên cùng cấp, sau khi cấp uỷ biểu quyết đủ số phiếu quy định thì đề nghị uỷ ban kiểm tra cấp trên báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp xem xét, quyết định. Ở cấp tỉnh, thành và đảng uỷ trực thuộc Trung ương thì báo cáo Uỷ ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ban thường vụ cấp uỷ quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên; quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp uỷ viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý vi phạm nhiệm vụ chuyên môn được giao. Nhiệm vụ chuyên môn được giao là công việc đảng viên thường xuyên thực hiện theo chức trách, cương vị công tác trong tổ chức, cơ quan, đơn vị mà đảng viên đó là thành viên.

Trường hợp cách chức, khai trừ thì báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ, cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp.

3- Ban Chấp hành Trung ương quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương, Uỷ viên Ban Bí thư, Uỷ viên Bộ Chính trị

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; khiển trách, cảnh cáo Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương vi phạm phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, sinh hoạt đảng, thực hiện nhiệm vụ đảng viên. Trường hợp cách chức, khai trừ thì Bộ Chính trị, Ban Bí thư báo cáo Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương là cấp quyết định kỷ luật cuối cùng, sau khi xem xét, kết luận phải biểu quyết bằng phiếu kín việc quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp kết quả biểu quyết các hình thức cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức nào mà kết quả có đủ đa số phiếu theo quy định thì lấy hình thức đó để quyết định.

4- Ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý và cấp ủy viên cấp dưới trực tiếp

4.1- Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở không có thẩm quyền kỷ luật đảng viên nhưng có trách nhiệm xem xét, kết luận, đề xuất đảng ủy cơ sở và ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

4.2- Ủy ban kiểm tra cấp ủy huyện, quận và tương đương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên cơ sở và cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định các hình thức kỷ luật đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên của chi bộ, đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng bộ cơ sở hoặc cán bộ thuộc diện đảng ủy cơ sở quản lý nhưng không phải là đảng ủy viên đảng ủy cơ sở hay cán bộ do cấp ủy huyện, quận và cấp tương đương quản lý.

4.3- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên huyện, quận và tương đương (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy), đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý nhưng không phải là cấp ủy viên cùng cấp; quyết định các hình thức kỷ luật đối với đảng viên, kể cả bí thư, phó bí thư, cấp ủy viên cơ sở trở xuống nhưng không phải là cấp ủy viên cấp huyện, quận và tương đương hoặc cán bộ do cấp ủy tỉnh, thành và đảng ủy trực thuộc Trung ương quản lý.

4.4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định khiển trách, cảnh cáo cấp ủy viên tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ), đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý nhưng không phải là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương. Quyết định các hình thức kỷ luật đối với các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Đảng.

5- Cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do cấp dưới quyết định

5.1- Quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật của ủy ban kiểm tra cấp trên đã nêu ở Tiết 5.2.3, Điểm 5.2, Khoản 5, Điều 32.

5.2- Khi giải quyết khiếu nại kỷ luật, đảng ủy cơ sở, đảng ủy cấp trên cơ sở, ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật đối với đảng viên, tổ chức đảng do tổ chức đảng cấp dưới quyết định.

5.3- Tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên khi phát hiện cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý có vi phạm phải chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới, trước hết là chi bộ xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xem xét, xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên xem xét, xử lý kỷ luật; đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng cấp dưới và người đứng đầu tổ chức đảng đó.

6- Đảng viên giữ nhiều chức vụ bị kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách một hay nhiều chức vụ

6.1- Chức vụ nêu tại khoản này là chức vụ trong Đảng do bầu cử, do chỉ định hoặc bổ nhiệm đối với đảng viên theo quy định của Đảng.

6.2- Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ (trừ Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương) vi phạm đến mức phải cách chức cấp uỷ viên cao nhất hoặc khai trừ thì do ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ cấp cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định. Nếu phải cách chức cấp uỷ viên ở một cấp uỷ cấp dưới thì do ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

6.3- Đảng viên giữ nhiều chức vụ (kể cả chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ ở các nhiệm kỳ trước đó) vi phạm kỷ luật phải cách chức một, một số hay tất cả các chức vụ hoặc phải khai trừ thì tổ chức đảng quản lý đảng viên đó quyết định.

6.4- Trong một cấp uỷ có ban thường vụ, nếu chỉ cách chức bí thư, phó bí thư thì còn chức uỷ viên ban thường vụ. Nếu cách chức uỷ viên ban thường vụ thì còn chức cấp uỷ viên. Cách chức cấp uỷ viên thì đương nhiên không còn chức bí thư, phó bí thư, uỷ viên ban thường vụ. Cách chức uỷ viên uỷ ban kiểm tra thì đương nhiên không còn là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ đó.

Đối với chi bộ có chi uỷ, nếu chỉ cách chức bí thư hoặc phó bí thư chi bộ thì còn là chi uỷ viên; nếu cách chức chi uỷ viên thì đương nhiên không còn là bí thư hoặc phó bí thư chi bộ.

Đối với chi bộ không có chi uỷ, nếu cách chức bí thư hoặc phó bí thư chi bộ thì đương nhiên còn là đảng viên.

6.5- Đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, giữ nhiều chức vụ, bị kỷ luật cách chức một chức vụ đương nhiệm hoặc chức vụ trước đó, thì cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền phải xem xét các chức vụ khác, có thể cách chức hoặc cho thôi giữ một hoặc nhiều chức vụ khác.

6.6- Việc kỷ luật đối với uỷ viên uỷ ban kiểm tra là cấp uỷ viên tiến hành như đối với cấp uỷ viên. Nếu uỷ viên uỷ ban kiểm tra không phải là cấp uỷ viên thì việc kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tiến hành như đối với cán bộ do cấp uỷ cùng cấp quản lý; trường hợp kỷ luật cách chức, khai trừ do cấp uỷ cùng cấp quyết định.

6.7- Cấp uỷ viên vi phạm đến mức cách chức nhưng chủ động xin rút khỏi cấp uỷ thì phải kỷ luật cách chức, không chấp nhận cho rút khỏi cấp uỷ.

6.8- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời vi phạm kỷ luật ở nơi sinh hoạt tạm thời, thì cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét, xử lý kỷ luật tới mức cảnh cáo. Sau khi xử lý kỷ luật phải thông báo bằng văn bản cho cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt chính thức biết.

Trường hợp phải xử lý kỷ luật ở mức cao hơn, cấp uỷ nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời phải thông báo bằng văn bản nội dung, tính chất, mức độ, tác hại và nguyên nhân vi phạm để cấp uỷ nơi quản lý chính thức đảng viên đó xem xét, xử

lý kỷ luật; đồng thời báo cáo với cấp uỷ cấp trên của tổ chức đảng nơi quản lý chính thức đảng viên đó biết và chỉ đạo việc xử lý.

Trường hợp đảng viên có vi phạm ở tổ chức đảng sinh hoạt chính thức, sau khi chuyển sinh hoạt đảng tạm thời mới bị phát hiện thì do cấp uỷ nơi quản lý chính thức đảng viên đó xem xét, xử lý kỷ luật.

Điều 37: Thẩm quyền thi hành kỷ luật tổ chức đảng vi phạm:

1- Cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định khiển trách, cảnh cáo tổ chức đảng cấp dưới

1.1- Đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cấp trên cơ sở; cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ huyện, quận và tương đương trở lên có quyền kỷ luật tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng. Uỷ ban kiểm tra các cấp không có thẩm quyền kỷ luật tổ chức đảng nhưng có trách nhiệm xem xét, kết luận, đề xuất ý kiến với cấp uỷ trong việc xử lý kỷ luật.

1.2- Kỷ luật một tổ chức đảng phải xem xét và quy rõ trách nhiệm của tổ chức đó để xử lý cho đúng. Đồng thời, phải xem xét trách nhiệm cá nhân để xử lý kỷ luật đối với những đảng viên vi phạm và xem xét trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng đó.

1.3- Tổ chức đảng bị kỷ luật thì tất cả thành viên trong tổ chức đó đều phải chịu trách nhiệm, phải ghi rõ số, ngày, tháng, năm quyết định, tổ chức đảng quyết định kỷ luật, nội dung, hình thức kỷ luật đối với tổ chức vào lý lịch từng thành viên. Những thành viên không tán thành hoặc không liên quan trực tiếp đến quyết định sai lầm của tổ chức đó cũng được ghi rõ vào lý lịch đảng viên.

2- Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Quyết định này phải báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương

Tổ chức đảng bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định. Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên một cấp quyết định.

3- Chỉ giải tán một tổ chức đảng khi tổ chức đảng đó phạm một trong các trường hợp: có hành động chống đường lối, chính sách của Đảng; vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật của Nhà nước.

Những tổ chức đảng vi phạm một trong các nội dung sau đây thì giải tán:

3.1- Có hành động chống đối quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng với các hành vi cụ thể như: tổ chức, kích động, xúi giục, cưỡng bức quần chúng mít tinh, biểu tình trái với quy định của pháp luật; xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; có hành động cụ thể chống Đảng.

3.2- Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng hoặc pháp luật Nhà nước với các hành vi như: bỏ ba kỳ liên tiếp không sinh hoạt; cố ý không chấp hành Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách, các nguyên tắc, quy chế, quy định, quyết định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nghiêm trọng, không còn vai trò và tác dụng lãnh đạo đối với địa phương, đơn vị.

Điều 38:

1- Tổ chức đảng và đảng viên vi phạm không thuộc thẩm quyền quyết định kỷ luật của cấp mình thì đề nghị lên cấp có thẩm quyền quyết định

1.1- Các tổ chức đảng có quyền quyết định thi hành kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng; nếu không thuộc thẩm quyền thì đề nghị tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2- Việc biểu quyết đề nghị kỷ luật hoặc biểu quyết quyết định kỷ luật phải bằng phiếu kín. Sau khi xem xét, kết luận tổ chức đảng, đảng viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì tổ chức đảng phải bỏ phiếu biểu quyết quyết định hoặc biểu quyết đề nghị hình thức kỷ luật cụ thể bằng phiếu kín.

Trường hợp kết quả biểu quyết quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức kỷ luật nào mà kết quả có đủ đa số phiếu theo quy định thì lấy hình thức kỷ luật đó để quyết định.

2- Trường hợp tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên quyết định các hình thức kỷ luật theo thẩm quyền, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đó

Trường hợp vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng tổ chức đảng cấp dưới không xử lý hoặc xử lý không đúng mức thì cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp quyết định xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền, không phải làm thủ tục từ dưới lên. Đồng thời, phải xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu của tổ chức đảng đó, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì phải xử lý đúng mức.

3- Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng và khai trừ đảng viên phải được ít nhất hai phần ba số thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và do tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định

3.1- Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với đảng viên, khiển trách, cảnh cáo đối với tổ chức đảng phải được biểu quyết với sự đồng ý của trên một nửa số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng đó.

3.2- Trường hợp khai trừ đảng viên, giải tán tổ chức đảng phải được sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức hoặc thành viên của tổ chức đảng cấp dưới đề nghị và được sự đồng ý của trên một nửa số thành viên của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định.

Nếu đảng viên vi phạm đến mức phải khai trừ hoặc tổ chức đảng vi phạm đến mức phải giải tán nhưng chưa đủ hai phần ba số đảng viên chính thức của chi bộ hoặc thành viên của tổ chức đảng cấp dưới biểu quyết đề nghị thì chuyển hồ sơ để tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Một nửa hay hai phần ba quy định ở trên được tính trên tổng số thành viên có quyền biểu quyết của tổ chức đảng (ở chi bộ là số đảng viên chính thức, trừ số đảng viên được miễn sinh hoạt không có mặt tại cuộc họp; ở cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra là tổng số cấp uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ hoặc tổng số thành viên uỷ ban kiểm tra), không tính trên số thành viên có mặt trong cuộc họp.

Điều 39:

1- Đảng viên vi phạm kỷ luật phải kiểm điểm trước chi bộ, tự nhận hình thức kỷ luật; nếu từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam, tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật. Trường hợp cần thiết, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền trực tiếp xem xét kỷ luật

1.1- Cấp uỷ hướng dẫn đảng viên vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm. Hội nghị chi bộ thảo luận, góp ý và kết luận rõ nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ và biểu quyết (đề nghị hoặc quyết định) kỷ luật. Đại diện cấp uỷ tham dự hội nghị chi bộ xem xét kỷ luật đảng viên là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý. Trường hợp đảng viên vi phạm từ chối kiểm điểm hoặc bị tạm giam thì tổ chức đảng vẫn tiến hành xem xét kỷ luật.

1.2- Đảng viên vi phạm là cấp uỷ viên hoặc cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý cùng với việc kiểm điểm ở chi bộ còn phải kiểm điểm ở những tổ chức đảng nào nữa thì do cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau thì cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật, không cần yêu cầu đảng viên đó phải kiểm điểm trước chi bộ: vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; nội dung vi phạm liên quan đến bí mật của Đảng và Nhà nước mà chi bộ không biết; vi phạm trước khi chuyển đến sinh hoạt ở chi bộ.

2- Tổ chức đảng vi phạm phải kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật và báo cáo lên cấp uỷ cấp trên quyết định

2.1- Tổ chức đảng vi phạm kỷ luật thì cơ quan lãnh đạo (thường trực cơ quan lãnh đạo) hoặc người đứng đầu của tổ chức đảng đó chuẩn bị nội dung kiểm điểm,

báo cáo trước hội nghị tổ chức mình để kiểm điểm làm rõ đúng, sai, nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, nguyên nhân của vi phạm, xác định trách nhiệm của tổ chức, từng thành viên và biểu quyết tự nhận hình thức kỷ luật của tổ chức, của từng thành viên có liên quan và báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đại diện của tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền tham dự hội nghị này.

2.2- Nếu tổ chức đảng sau khi sáp nhập, chia tách hoặc kết thúc hoạt động mới phát hiện có vi phạm thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên của tổ chức đảng đó xem xét, xử lý.

3- Trước khi quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến

3.1- Trước khi họp để xem xét, quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định kỷ luật nghe đảng viên vi phạm hoặc đại diện tổ chức đảng vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm) khi tổ chức đảng có thẩm quyền họp xem xét, quyết định kỷ luật.

3.2- Đại diện tổ chức đảng có thẩm quyền là đại diện của cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp có thẩm quyền kỷ luật hoặc được cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra uỷ nhiệm đối với những trường hợp đặc biệt.

3.3- Trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền trước khi bị xem xét, thi hành kỷ luật là quyền và trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên. Nếu đảng viên hoặc người đại diện tổ chức đảng vi phạm vì một lý do nào đó mà không trực tiếp trình bày ý kiến với tổ chức đảng có thẩm quyền khi được yêu cầu thì báo cáo với tổ chức đảng đó bằng văn bản và phải nghiêm chỉnh chấp hành sau khi có quyết định kỷ luật.

4- Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải báo cáo lên cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp; nếu đảng viên vi phạm tham gia nhiều cơ quan lãnh đạo của Đảng thì phải báo cáo đến các cơ quan lãnh đạo cấp trên mà đảng viên đó là thành viên

5- Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm; trường hợp cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định

5.1- Quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên vi phạm phải được trao cho tổ chức đảng và đảng viên vi phạm để chấp hành. Nếu cần thông báo rộng hơn thì do cấp uỷ hoặc tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật đối với đảng viên quyết định.

5.2- Phạm vi thông báo các quyết định thi hành kỷ luật, quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật đối với đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó quyết định.

6- Kỷ luật tổ chức đảng và đảng viên vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định

6.1- Quyết định khiển trách, cảnh cáo đối với đảng viên vi phạm của chi bộ có hiệu lực ngay sau khi chi bộ công bố kết quả biểu quyết quyết định kỷ luật. Trong vòng 10 ngày, chi bộ ban hành quyết định kỷ luật trao cho đảng viên bị kỷ luật, báo cáo cấp trên và lưu hồ sơ. Quyết định kỷ luật của chi bộ (trong đảng bộ bộ phận, trong đảng bộ cơ sở) được đóng dấu của đảng uỷ cơ sở vào phía trên, góc trái. Đảng uỷ cơ sở hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp không phải ra quyết định chuẩn y.

Trường hợp chi bộ chỉ có bí thư chi bộ, nếu bí thư bị xử lý kỷ luật thuộc thẩm quyền của chi bộ thì bí thư chi bộ báo cáo cấp uỷ cấp trên trực tiếp để cử đại diện chủ trì hội nghị xem xét, kỷ luật. Sau khi biểu quyết quyết định kỷ luật, chậm nhất 5 ngày, chi bộ báo cáo kết quả để tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên ban hành quyết định kỷ luật.

6.2- Tổ chức đảng có thẩm quyền sau khi ký quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải kịp thời công bố (trực tiếp hoặc uỷ quyền cho tổ chức đảng cấp dưới công bố) chậm nhất không quá 15 ngày kể từ ngày ký. Tổ chức đảng cấp dưới được uỷ quyền chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định phải công bố quyết định cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật hoặc khiếu nại kỷ luật. Nếu quá hạn trên phải báo cáo ngay với cấp có thẩm quyền quyết định.

6.3- Việc công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật phải có đại diện tổ chức đảng ra quyết định (hoặc được uỷ quyền công bố quyết định), đại diện tổ chức đảng quản lý đảng viên bị kỷ luật, đại diện tổ chức đảng bị kỷ luật, đảng viên bị kỷ luật và lập biên bản lưu hồ sơ. Trường hợp đảng viên bị kỷ luật từ chối nghe công bố hoặc không nhận quyết định kỷ luật thì ghi vào biên bản, quyết định kỷ luật vẫn được công bố và có hiệu lực thi hành.

6.4- Đề nghị của cấp dưới về kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên và giải tán đối với tổ chức đảng nếu chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định và công bố thì đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng đó vẫn được hoạt động.

7- Tổ chức đảng, đảng viên không đồng ý với quyết định kỷ luật thì trong vòng một tháng, kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật, thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương

7.1- Việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ cấp trên cơ sở, uỷ ban kiểm tra, ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ từ cấp huyện và tương đương trở lên.

Đảng viên là cấp uỷ viên các cấp, thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, chỉ bộ đã quyết định kỷ luật kỷ luật theo thẩm quyền, nếu có khiếu nại thì do cấp uỷ cơ sở hoặc ban thường vụ cấp uỷ quản lý đảng viên đó giải quyết khiếu nại kỷ luật lần đầu.

Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì tổ chức đảng có thẩm quyền cấp trên tiếp tục giải quyết.

7.2- Ban Bí thư là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với hình thức kỷ luật khai trừ, Ủy ban Kiểm tra Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức do cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương trở xuống quyết định.

Đối với các hình thức kỷ luật do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định thì Ban Chấp hành Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng.

8- Khi nhận khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết; chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, kể từ ngày nhận được khiếu nại, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết

8.1- Sau khi xem xét, kết luận, tổ chức đảng phải biểu quyết bằng phiếu kín quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp biểu quyết quyết định hình thức kỷ luật cụ thể không đủ số phiếu theo quy định thì báo cáo tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương là cấp giải quyết khiếu nại kỷ luật cuối cùng, sau khi xem xét, kết luận phải biểu quyết bằng phiếu kín việc quyết định hình thức kỷ luật cụ thể. Trường hợp biểu quyết các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức nào mà kết quả có đủ đa số phiếu theo quy định thì lấy hình thức đó để quyết định.

8.2- Những vụ khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền giải quyết của ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ (kể cả Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) thì uỷ ban kiểm tra phối hợp với văn phòng cấp uỷ và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cùng cấp hoặc các tổ chức đảng có liên quan giúp ban thường vụ cấp uỷ hoặc cấp uỷ (Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương) lập đoàn giải quyết khiếu nại. Đoàn giải quyết khiếu nại có trách nhiệm giải quyết và chuẩn bị hồ sơ vụ việc khiếu nại trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8.3- Uỷ ban kiểm tra sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cáo ban thường vụ cấp uỷ cùng cấp. Ban thường vụ cấp uỷ sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải báo cáo cấp uỷ cùng cấp.

8.4- Ban thường vụ đảng uỷ cơ sở và đảng uỷ bộ phận có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật đảng của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có quyền chuẩn y hay thay đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định.

8.5- Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết.

9- Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức đảng và đảng viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật

Điều 40:

1- Đảng viên bị hình phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng

1.1- Khi cơ quan có thẩm quyền bắt, khám xét khẩn cấp đối với công dân là đảng viên thì chậm nhất là 3 ngày làm việc, đảng viên là thủ trưởng của cơ quan đó có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức đảng trực tiếp quản lý đảng viên đó.

1.2- Đảng viên bị khởi tố, truy tố hoặc bị tạm giam, nếu tổ chức đảng có thẩm quyền kết luận rõ đảng viên có vi phạm đến mức phải xử lý thì chủ động xem xét, xử lý kỷ luật đảng, không nhất thiết chờ kết luận hoặc tuyên án của toà án, không cần quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt mới xem xét, xử lý kỷ luật. Sau khi có bản án hoặc quyết định của toà án, nếu thấy cần thiết, tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật xem xét lại việc kỷ luật đảng đối với đảng viên đó.

1.3- Trường hợp bị toà án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì tổ chức đảng có thẩm quyền căn cứ bản án của toà án để quyết định khai trừ hoặc xoá tên trong danh sách đảng viên (đối với đảng viên dự bị), không phải theo quy trình thi hành kỷ luật. Tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định khai trừ đảng viên thông báo bằng văn bản cho chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt và các tổ chức đảng nơi đảng viên đó là thành viên.

Đảng viên, cấp uỷ viên bị toà án tuyên phạt hình phạt thấp hơn hình phạt cải tạo không giam giữ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổ chức đảng có thẩm quyền phải quyết định cho đảng viên trở lại sinh hoạt đảng, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt cấp uỷ và căn cứ bản án của toà án, nội dung, tính chất, mức độ vi phạm để quyết định xử lý kỷ luật theo đúng quy trình.

1.4- Trường hợp đảng viên bị xử oan, sai đã được toà án quyết định huỷ bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án thì các tổ chức đảng có thẩm quyền phải khẩn trương xem xét lại kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết.

2- Tổ chức đảng bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp lập tổ chức đảng mới hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng cho số đảng viên còn lại

2.1- Đối với chi bộ, đảng bộ bị kỷ luật giải tán, sau khi được sự đồng ý của tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp của chi bộ, đảng bộ đó ra quyết định lập chi bộ, đảng bộ mới.

Ở chi bộ, đảng bộ bị kỷ luật giải tán, có đảng viên vi phạm chưa đến mức phải khai trừ thì tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật căn cứ nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm của từng đảng viên mà xem xét, xử lý kỷ luật trước khi quyết định chuyển sinh hoạt đảng hoặc giới thiệu sinh hoạt đảng.

Những đảng viên vi phạm đến mức phải kỷ luật khai trừ thì phải khai trừ. Tổ chức đảng có thẩm quyền kỷ luật ra quyết định khai trừ từng người một.

2.2- Đối với cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ bị kỷ luật giải tán, cấp uỷ cấp trên trực tiếp xem xét xử lý kỷ luật những thành viên của tổ chức đảng đó và chỉ định cấp uỷ, cấp uỷ bầu ban thường vụ cấp uỷ.

3- Đảng viên bị kỷ luật cách chức, trong vòng một năm, kể từ ngày có quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không được bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn

3.1- Đảng viên bị kỷ luật cách chức, bao gồm cả chức vụ do đại hội, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra bầu, do chỉ định hoặc bổ nhiệm, trong vòng một năm kể từ ngày công bố quyết định, không được bầu vào cấp uỷ, không chỉ định, bổ nhiệm vào các chức vụ tương đương và cao hơn.

3.2- Sau một năm, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ), nếu đảng viên không khiếu nại, không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

4- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền quyết định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương

4.1- Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành vi gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc hành vi làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn.

- Đảng viên (kể cả cấp uỷ viên) có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam thì phải đình chỉ sinh hoạt đảng.

- Cấp uỷ viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp uỷ và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị

cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố thì phải đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ. Cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng đương nhiên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ.

- Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành vi cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng thì đình chỉ hoạt động.

4.2- Thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt, hoạt động

- Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên là tổ chức đảng có thẩm quyền khai trừ đối với đảng viên đó.

Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên do chi bộ và đảng uỷ cơ sở đề nghị, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền quyết định. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý, chi bộ và đảng uỷ cơ sở đề nghị, ban thường vụ cấp uỷ quản lý cán bộ đó quyết định.

- Tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên là tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên đó.

Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên do chi bộ hoặc cấp uỷ cùng cấp đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ thì cấp uỷ phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp uỷ có thẩm quyền cách chức cấp uỷ viên, khai trừ đảng viên đó quyết định.

- Uỷ ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên được quyền quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cùng cấp quản lý (ở Trung ương là Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp khi bị tạm giam, truy tố; quyết định đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp khi bị khởi tố.

- Tổ chức đảng quyết định đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng là tổ chức đảng có thẩm quyền giải tán tổ chức đó.

Đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng do cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ cấp trên cách một cấp quyết định. Đình chỉ hoạt động của một cấp uỷ hoặc ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Trung ương do Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định và báo cáo Ban Chấp hành Trung ương. Riêng đối với cấp uỷ các cấp bị đình chỉ hoạt động, sau khi có quyết định đình chỉ, cấp uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định một cấp uỷ lâm thời để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của cấp uỷ đã bị đình chỉ hoạt động. Nếu cấp uỷ bị đình chỉ được quyết định trở lại hoạt động hoặc bị kỷ luật giải tán và đã lập lại tổ chức đảng, thì cấp uỷ lâm thời đương nhiên giải thể.

- Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên hoặc

đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

- Uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thuộc phạm vi quản lý của cấp uỷ cùng cấp; giúp cấp uỷ làm các thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng theo đúng quy định.

4.3- Trường hợp đặc biệt, đối với những vụ việc đang trong quá trình điều tra, kiểm tra, giám sát, nhận thấy đảng viên có dấu hiệu liên quan đến trách nhiệm cá nhân hoặc có những dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, nếu để đương chức sẽ gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận, thì ngoài việc đã đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định đình chỉ chức vụ trong Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm; đồng thời giao trách nhiệm cho ban cán sự đảng, đảng đoàn hoặc cấp uỷ nơi quản lý đảng viên đó chỉ đạo tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội quyết định đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể theo thẩm quyền.

- Sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, nếu đảng viên đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật đảng. Nếu đảng viên đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí công tác khác.

- Trường hợp tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ chức vụ về chính quyền, đoàn thể đối với đảng viên, thì đảng viên là thủ trưởng hoặc tổ chức đảng trong cơ quan của đảng viên đó phải kịp thời thông báo cho uỷ ban kiểm tra cùng cấp để uỷ ban kiểm tra đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định việc đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ hoặc đình chỉ chức vụ về Đảng mà đảng viên đó đang đảm nhiệm.

- Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động, cán bộ bị đình chỉ chức vụ phải chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm về những vi phạm, thực hiện các nhiệm vụ được giao...); được đề đạt ý kiến của mình nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp uỷ viên, danh nghĩa chức vụ đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

4.4- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt, hoạt động

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng và đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ là 90 ngày làm việc. Trường hợp phải gia hạn, thì thời hạn đình chỉ kể cả gia hạn không quá 180 ngày làm việc. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng không quá 90 ngày làm việc.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả cấp uỷ viên) bị truy tố, bị tạm giam và thời hạn đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên bị khởi tố được tính theo thời hạn quy định của pháp luật (kể cả gia hạn, nếu có).

- Tổ chức đảng quản lý đảng viên bị khởi tố, tạm giam hoặc truy tố phải chủ động liên hệ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng cơ quan pháp luật nắm chắc thời hạn khởi tố, truy tố, tạm giam của đảng viên, cấp uỷ viên, không để kéo dài so với quy định của pháp luật. Đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật có thẩm quyền quyết định khởi tố, tạm giam, truy tố đối với công dân là đảng viên, cấp uỷ viên phải chỉ đạo thông báo ngay bằng văn bản các quyết định nói trên (kể cả khi gia hạn) đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên, cấp uỷ viên đó.

4.5- Việc quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ và tổ chức đảng trở lại hoạt động

- Tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét, kết luận rõ nội dung vi phạm của đảng viên, cấp uỷ viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp uỷ, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động để quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét, xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức phù hợp; kịp thời chỉ đạo việc xem xét, xử lý kỷ luật về chính quyền, về đoàn thể. Trường hợp không thuộc thẩm quyền thì chỉ đạo hoặc kiến nghị với các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Khi đảng viên, kể cả cấp uỷ viên không còn bị tạm giam và không bị truy tố, đảng viên là thủ trưởng của cơ quan pháp luật hoặc tổ chức đảng ở các cơ quan pháp luật có trách nhiệm chỉ đạo thông báo kịp thời bằng văn bản đến cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra của cấp uỷ quản lý đảng viên, cấp uỷ viên đó để xem xét việc quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng và xem xét, xử lý kỷ luật đảng. Trường hợp đình chỉ điều tra thì quyết định cho cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt cấp uỷ.

Trường hợp hết thời hạn tạm giam hoặc không bị tạm giam, nhưng vẫn bị truy tố, xét xử thì tổ chức đảng chưa quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên trở lại sinh hoạt đảng.

- Về thủ tục ra quyết định trở lại sinh hoạt, hoạt động:

Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp uỷ viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động. Uỷ ban kiểm tra giúp cấp uỷ chuẩn bị văn bản, quyết định các trường hợp thuộc thẩm quyền của cấp uỷ.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định này.

2- Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra các cấp tham mưu, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ cùng cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt và triển khai thực hiện Quy định.

3- Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Quy định.

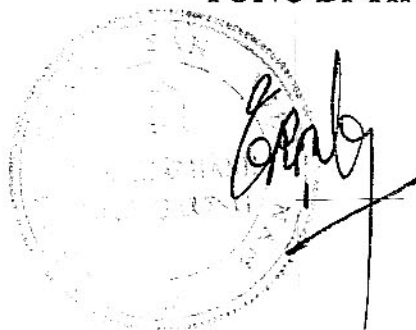
4- Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký, thay thế Quyết định số 46-QĐ/TW, ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Đảng trong Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng khoá XI.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên báo cáo Ban Chấp hành Trung ương (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương) xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**



Nguyễn Phú Trọng